

Số: 14/2022/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Anh Minh

- Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Mỹ Tiên

Bà Lê Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 73/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào Điều 48, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273, khoản 2 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ : Số A Đường A1, Phường A2, Quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đặng S, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Số B Đường B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 06 tháng 4 năm 2021, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Quyết định đình chỉ số 73/2021/QĐST-DS ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

XÉT THẤY:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 và tài liệu, chứng cứ nộp kèm đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Đặng S phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ

phần S số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 31/01/2020 là 54.057.390 đồng theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 30/01/2013 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với ông Đặng S.

[2] Xét Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 73/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng:

Ông Đặng S có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 30/01/2013 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Tại hợp đồng thẻ hiện ông Đặng S có địa chỉ thường trú tại: Thôn C, xã C1, huyện C2, tỉnh C3 và địa chỉ nơi ở là: Số B Đường B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận Tân Bình và Tòa án nhân dân thị huyện C2, tỉnh C3 đã tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn theo như nguyên đơn cung cấp, theo kết quả xác minh thì bị đơn ông Đặng S từ trước đến nay không có cư trú tại địa chỉ Số B Đường B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh (Phiếu xác minh số 250.1/PXM-TA ngày 23/6/2020 của công an phường 4 quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh (BL.43-44)) và không có địa chỉ thường trú tại Thôn C, xã C1, huyện C2, tỉnh C3 (Biên bản xác minh ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện C2 (BL.51)). Ngày 01/3/2021 Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành quyết định yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ về địa chỉ cư trú của bị đơn nhưng đại diện nguyên đơn có văn bản trả lời không cung cấp được địa chỉ nào khác của bị đơn. Do đó Tòa án nhân dân quận Tân Bình ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về địa chỉ cư trú của bị đơn. Xét thấy, căn cứ vào kết quả xác minh thể hiện địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp là chưa đúng vì từ trước đến nay ông Đặng S không có tạm trú hay thường trú tại 02 địa chỉ Số B Đường B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh và Thôn C, xã C1, huyện C2, tỉnh C3, do đó theo qui định tại điểm e khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Tân Bình đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng qui định.

Nguyên đơn căn cứ vào điểm đ khoản 4 Điều 189, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 để kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở vì tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 quy định: “2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện **đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng**

bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”. Như vậy, mặc dù địa chỉ Số B Đường B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh ghi đúng theo địa chỉ ghi trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 30/01/2013, tuy nhiên địa chỉ này không phải là địa chỉ cư trú của bị đơn ông Đặng S nên không thể áp dụng qui định này để xem là nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ cư trú.

Theo hồ sơ thể hiện ông Đặng S có **lưu trú** tại địa chỉ Số B Đường B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh (BL.22), tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Bộ luật dân sự qui định : “1. **Nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó thường xuyên sinh sống.**” và theo Điều 2 Luật cư trú qui định : ... “6. **Lưu trú là việc công dân ở lại một địa điểm không phải nơi thường trú hoặc nơi tạm trú trong thời gian ít hơn 30 ngày.**

... 8. **Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.**

9. **Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định ngoài nơi thường trú và đã được đăng ký tạm trú....”**. Do đó không thể xem địa chỉ Số B Đường B1, Phường B2, Quận B3 là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông Đặng S.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là không có cơ sở, Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận.

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

Căn cứ Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 73/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0069346 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thị Anh Minh